

ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG NHO GIÁO ĐỐI VỚI KIẾN TRÚC VÀ MỸ THUẬT TRANG TRÍ ĐÌNH THẦN Ở THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Văn Thủy⁽¹⁾, Bùi Đức Anh⁽¹⁾, Đinh Thị Hòa⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một
Ngày nhận bài 14/6/2024; Chấp nhận đăng 30/8/2024
Liên hệ email: hoadinghthi@tdmu.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết dựa trên quan điểm theo truyền thống Nho giáo về cái đẹp để phân tích sự ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo ẩn tàng trong kiến trúc và mỹ thuật trang trí của các ngôi đình được khảo sát tại hai xã cù lao trên sông Đồng Nai thuộc thành phố Tân Uyên, Bình Dương. Bài viết được thực hiện dựa trên phương pháp liên ngành, nhóm tác giả khai thác sử liệu, tiến hành điền dã dân tộc học trên thực địa, xây dựng giả thuyết và phân tích tổng hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy tư tưởng Nho giáo đã chi phối một cách âm thầm, bền bỉ đến kiến trúc và trang trí các không gian tế tự thần Thành Hoàng ở địa bàn khảo sát. Đây là một góc tiếp cận mới so với các nghiên cứu đã có trước đây.

Từ khóa: đình, kiến trúc, nho giáo, mỹ thuật trang trí

Abstract

THE INFLUENCE OF CONFUCIUS THOUGHT ON THE ARCHITECTURE AND DECORATIVE ARTS OF COMMUNAL HOUSES IN TWO COMMUNES OF TAN UYEN CITY, BINH DUONG

The article is based on traditional Confucian views on beauty in architecture and fine arts to analyze the influence of Confucian thought hidden in the architecture and decorative arts of the communal houses surveyed in two ilse communes on Dong Nai river in Tan Uyen city, Binh Duong. The article is based on an interdisciplinary method, the author group exploited historical data, conducted ethnographic fieldwork, built hypotheses and synthesized analysis. Research results show that Confucianism has silently and persistently influenced the architecture and decoration of sacrificial spaces for the Tutelary God in the survey area. This is a new approach compared to previous studies.

1. Đặt vấn đề

Nho giáo là một hệ thống đạo đức, chính trị, triết học, giáo dục do Khổng Tử khởi xướng và được các thế hệ sau phát triển. Với học thuyết này, hàng loạt khái niệm được đặt ra: quân tử, chính danh, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín... nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội theo khuôn khổ mà ở đó đạo vua tôi, quân thần phải được xác lập một cách rõ ràng, mỗi người có một vị trí xứng với danh. Có như vậy, triều đình mới ổn định, xã hội bớt loạn, gia đình có tôn ti trật tự.

Thời Nguyễn là triều đại lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống. Từ khi vua Gia Long lên ngôi đến các vị vua sau này, luôn nỗ lực quốc điển hóa hệ thống thần linh và thiết lập thiết chế văn hóa – tín ngưỡng chính thống hơn của triều đại. Đình làng hay đình thần là nơi thờ thần Thành Hoàng, vị thần chủ tể trên cõi thiêng của làng. Trong thiết chế văn hóa truyền thống, đình làng là cơ sở tín ngưỡng có tính chính thống. Các thần Thành Hoàng của làng xã được triều Nguyễn sắc phong, nhất là các đợt sắc phong đời vua Tự Đức có số lượng lớn là thần ý niệm có danh hiệu nhưng không có tên họ, lai lịch hoặc thần tích cụ thể. Đối với người dân, thần Thành Hoàng là đáng bảo hộ, và sắc thần là biểu trưng cho uy quyền của Thiên tử.

Việc phong tặng bách thần thời thuộc địa phần nào biểu thị nỗ lực bảo tồn phong hóa truyền thống Nho giáo của triều Nguyễn trước sự xâm nhập của chế độ thực dân và văn hóa phương Tây. Trải qua hai cuộc chiến tranh, việc trùng tu đình làng và tiếp tục duy trì tín ngưỡng thờ thần Thành Hoàng đến nay gắn với truyền thống của những gia đình, những dòng họ theo tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên. Do những biến cố lịch sử, và quá trình biến đổi địa giới hành chính cùng với quá trình đô thị hóa làm cho đình thần ngày nay không còn gắn với làng, mà gắn với phường hoặc gắn với xã nông thôn mới. Kiến trúc và mỹ thuật trang trí ở đình thần Bình Dương nói riêng và Nam Bộ nói chung đã được một số công trình nghiên cứu khoa học quan tâm nghiên cứu nhiều năm nay, tuy nhiên hầu hết thiên về những mô tả chi tiết mang tính chuyên môn kỹ thuật và chưa có nghiên cứu nào đề cập sâu xa đến nền tảng tư tưởng đã chi phối như thế nào đến kiến trúc và mỹ thuật trang trí đình.

Trong bối cảnh nghiên cứu đó, dựa trên tư liệu khảo sát thực địa các ngôi đình hiện tồn trên hai xã cũ lao thuộc thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, nhóm tác giả đặt giả thuyết rằng tư tưởng Nho giáo vẫn có thể ẩn tàng hoặc lộ diện rõ nét qua kiến trúc và mỹ thuật trang trí đình thần.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Để hiểu về những giá trị kiến trúc nghệ thuật trong đình, để hiểu về các tác phẩm mỹ thuật, các công trình kiến trúc truyền thống trong quá khứ thì chúng ta cần phải dựa trên nền tảng hệ thống triết học của Nho giáo. Nguyễn Văn Vĩnh (1931) trong bài “Làng với người An nam” đã viết “*Tất cả các tín ngưỡng, tôn giáo, trong gia đình và ngoài cộng đồng, chủ yếu là do ảnh hưởng Nho giáo. Nghi lễ được bắt nguồn từ Lễ ký và văn phong có nghĩa vụ phù hợp để tiến hành một buổi lễ. Đó là nguyên nhân mà các nhà Nho luôn chiếm vị trí ưu tiên trong làng. Chỉ có họ mới hiểu rõ ý nghĩa của nghi lễ đó và chỉ có họ mới đủ khả năng thực hiện việc hành lễ.*” (Nguyễn Lâm Bình và Nguyễn Lâm Thắng chủ biên, 2013). Nguyễn Văn Huyền (1938) trong Văn minh Việt Nam cũng từng viết “*Tất cả các hình thức hoạt động trí tuệ của Việt Nam đều thấm nhuần những hệ thống triết học của Nho giáo, Đạo giáo và cả Phật giáo. Các học thuyết đó tạo thành cái nền của văn hóa Việt Nam ngày nay*” (Đỗ Trọng Quang dịch, 2016). Trong bài viết này, chúng tôi dựa trên tư tưởng Nho giáo để tri nhận cái đẹp của kiến trúc và mỹ thuật trang trí đình thần.

Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của các vương triều thống trị Trung Quốc. Hệ tư tưởng này được phản ánh trong các nghi lễ thiêng liêng do Hoàng đế thực hiện để đảm bảo quan hệ hài hòa giữa con người và vũ trụ. Hệ tư tưởng này cũng được phản ánh trong các kỳ thi tuyển quan lại. Nho giáo là nền tảng của đạo lý gia đình và xã hội, xoay quanh

một hệ thống quan hệ tôn ti trật tự và các nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Hệ thống này do Khổng Tử đề xướng. Khổng Tử (551-479 TCN) là người đã đặt ra một hệ thống nền tảng tư tưởng quan trọng bậc nhất, đó là nền tảng tư tưởng của việc chúng ta dùng lễ trong xã hội. Lễ có hai cách hiểu, nếu hiểu đơn giản lễ là nghi lễ trong quan, hôn, tang, tế; lễ cũng còn được hiểu là bộ quy tắc ứng xử trong xã hội.

Khái niệm lễ trong học thuyết Khổng Tử được xem là quy tắc, chuẩn mực trong quan hệ xã hội thời phong kiến, nó là biểu hiện của Nhân. Khổng Tử tin rằng nếu muốn sống và hành động phù hợp với nhân tính và nhân đạo con người cần phải học hỏi và thực hành lễ. Khổng tử cho rằng lễ có khả năng chuyển hóa cá nhân và từ đó giống như những làn sóng lan tỏa ra ảnh hưởng đến toàn thể vũ trụ (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2004). Theo Lễ Ký, “Lễ cốt là để định ra rõ các mối quan hệ gần xa; tránh sự lẫn lộn, ngờ vực; phân biệt rõ cái nào giống cái nào khác, cái nào đúng cái nào sai. Theo Lễ, làm việc không được vượt quá bốn phận của mình, không được xâm phạm, coi khinh người khác. (Daniel Gardner, 2014); Nhữ Nguyên, Trần Khiết Hùng, 1996). Đây là tư tưởng không cho phép làm gì trái đạo đức, trái lễ.

Kinh điển Nho giáo (Tứ thư, Ngũ kinh) tạo thành nền tảng của luân lý, đời sống đạo đức cũng như phương pháp tư duy triết học cho Nho giáo. Tứ thư bao gồm Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, và Trung Dung trong đó Luận Ngữ là tập hợp những lời nói và đối thoại của Khổng Tử với môn đệ do chính môn đệ của ông ghi lại. Ngũ kinh là các kinh điển Khổng Tử dùng để dạy các môn sinh, bao gồm Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu và Kinh Lễ. Điều quan trọng nhất đối với quan điểm của Nho giáo là những bài học luân lý có thể rút ra từ việc nghiên cứu Ngũ kinh một cách thận trọng, nghiêm túc. Các nhà Nho giải thích các nội dung đa dạng trong Ngũ kinh là các bài học thích hợp với cuộc sống nói chung và dành riêng cho một chính quyền đạo đức nói riêng (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2004). Nho giáo được xem là phương tiện quan trọng nhất để thăng tiến xã hội và tu dưỡng đạo đức. Theo Cao Tự Thanh trong bài viết Nho giáo với Lịch sử Việt Nam, các nhà nho Việt Nam cho biết, “ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, Tứ thư và Ngũ kinh được coi là bộ sách giáo khoa cho chế độ giáo dục thi cử thời phong kiến. Ở Việt Nam, theo Lê Quý Đôn, khoảng niên hiệu Hồng Đức, hàng năm ban phát sách công cho các phủ, như Tứ thư, Ngũ kinh... học quan do đây mà giảng dạy, khoa cử do đây mà lấy nhân tài; từ lúc Trung hưng về sau, quan trường ra đầu bài chỉ lấy trong Tứ thư và Ngũ kinh”. Cũng theo Cao Tự Thanh “hệ thống giáo dục khoa cử đã bình thường hóa sự hiện diện của Nho giáo trong đời sống xã hội, tầng lớp nho sĩ đông đảo hơn trước trở thành lực lượng phổ biến Nho giáo trong sinh hoạt làng xã, nên khác với giai đoạn trước được tiếp nhận chủ yếu bởi chính quyền và trí thức, từ thế kỷ XVI trở đi Nho giáo đã thấm sâu hơn vào nhiều cơ tầng của văn hóa dân gian” (Cao Tự Thanh, 2005).

Theo quan điểm của Khổng Tử, nghệ thuật phải được quy phạm; nghệ thuật phải phù hợp với nhu cầu “Nhân” tức là phải xem nghệ thuật như là phương tiện để đem tình yêu từ con người đến với con người, chứ không chỉ đơn giản là làm những gì mà cá nhân mình yêu thích; Đối với Khổng Tử, cái đẹp không tồn tại độc lập, thuần túy mà được đặt trong lý tưởng về cái thiện, “tận mỹ tận thiện”. Theo Luận ngữ, Khổng Tử ở nước Tề nghe nhạc Thiệu (một khúc nhạc do vua Thuấn sáng tác trong truyền thuyết), ba tháng không biết mùi thịt, nói “Chẳng mong vui mà vui đến vậy”. Khổng Tử khen “nhạc Thiệu đã đẹp hết lại còn thiện hết vậy. Nhạc Võ đã đẹp hết nhưng chưa thiện hết vậy” (Nguyễn Hiến Lê, 1995; Nhữ Nguyên, Trần Khiết Hùng, 1996).

2.2. Phương pháp nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu

Bài viết này dựa vào kết quả khảo sát của đề tài khoa học cấp cơ sở “*Nghiên cứu và triển khai thí điểm một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản đình thần trong bối cảnh nông thôn mới ở thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương*” do tác giả Nguyễn Văn Thủy là chủ nhiệm đề tài. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả xây dựng cơ sở lý luận dựa trên quan điểm mỹ học của Nho giáo đồng thời dựa trên cơ sở thực tế thông qua tiến hành điền dã Dân tộc học, thu thập phân tích tư liệu hình ảnh, có kế thừa một số tư liệu thành văn của các nghiên cứu đi trước.

Trên địa bàn xã Thạnh Hội cù lao Rùa hiện nay có 2 ngôi đình: đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội, địa bàn cù lao Bạch Đằng xã Bạch Đằng có 6 ngôi đình: đình Bình Chử, đình Điều Hòa, đình Bình Hưng, đình Tân Trạch, đình Tân Long, đình An Chử. Trong tổng số 8 ngôi đình của 2 cù lao kể trên chỉ có 2 ngôi đình đã được xếp hạng di tích cấp tỉnh là đình Tân Trạch ở xã Bạch Đằng theo Quyết định 4726/QĐ-UBND ngày 30.10.2007, và đình Nhựt Thạnh ở xã Thạnh Hội theo Quyết định 3912/QĐ-UBND ngày 27.12.2019.

Bảng 1. Bảng phân bố di tích đình thần trên địa bàn hai xã cù lao thuộc thành phố Tân Uyên tỉnh Bình Dương

STT	Đình	Địa bàn
1	Đình An Chử	Xã Bạch Đằng
2	Đình Bình Chử	Xã Bạch Đằng
3	Đình Bình Hưng	Xã Bạch Đằng
4	Đình Điều Hòa	Xã Bạch Đằng
5	Đình Tân Long	Xã Bạch Đằng
6	Đình Tân Trạch	Xã Bạch Đằng
7	Đình Nhựt Thạnh	Xã Thạnh Hội
8	Đình Tân Hội	Xã Thạnh Hội

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tư tưởng Nho giáo qua kiến trúc đình thần

Quan niệm “Thiên tử phong tặg bách thần” cho thấy sự song hành không tách rời của vương quyền và thần quyền trong chế độ phong kiến Nho giáo. Tiêu chí để đánh giá một công trình kiến trúc truyền thống là đẹp theo tư tưởng Nho giáo đó là khi bước vào không gian tế tự sẽ thấy được trật tự của Lễ, trật tự của vương quyền. Kiến trúc đình thần phải được đặt theo quy phạm, trật tự của Lễ. Sự tôn nghiêm của vương quyền, trật tự đẳng cấp của vua, của thần luôn luôn ở trên, ngay chính giữa, hài hòa, đó chính là một trong những tiêu chí theo truyền thống Nho giáo để đánh giá công trình đẹp. Vẻ đẹp của kiến trúc đình thần đó là vẻ đẹp của sự trung chính, luôn luôn ngay thẳng, cân đối hài hòa, tận thiện tận mỹ.

Vì do trung (ở giữa) và do chính (ngay thẳng), kiến trúc đình luôn có một cái trục trung chính lấy bố cục đối xứng đặt làm nền. Cái trục trung chính có mục đích làm tâm điểm của công trình kiến trúc đình thần, thường được gọi là trục Thần đạo. Bàn thờ Thần luôn luôn ở vị trí trung tâm nhất của chánh điện. Hai bên bàn thờ Thần là vị trí bàn thờ Tả ban, Hữu ban đối xứng nhau. Bàn thờ Thần nhìn thẳng ra vị trí giữa sân đình là nơi đặt tấm bình phong, hai vị trí này luôn cùng nằm trên trục Thần đạo. Hai bên bình phong có hai cột đối xứng nhau, thường được trang trí bằng cặp chữ đối chữ Hán, sơn son thếp

vàng. Hai bên trục thần đạo trong sân đình thì thường có các miếu nhỏ đối xứng nhau, bên trong tiền điện và chánh điện luôn có các hàng cột đình và các bàn thờ đối xứng nhau qua trục Thần đạo. Qua khảo sát các đình thần tại hai xã cũ lao Thạnh Hội và Bạch Đằng cho thấy các hạng mục trong công trình kiến trúc đình thần được bố trí đối xứng qua trục trung chính – tức trục Thần đạo, đảm bảo quy phạm trật tự, thẳng hàng, hài hòa, cân đối theo yêu cầu của lễ.



Hình 1. Bình phong nằm trên trục Thần đạo đình Tân Trạch



Hình 2. Chánh điện đình Tân Trạch (Ảnh: Trần Đức Thuận, 2024)



Hình 3. Bình phong trên trục thần đạo đình Điều Hòa

3.2. Tư tưởng Nho giáo qua mỹ thuật trang trí đình thần

Nho giáo yêu cầu cái đẹp và cái thiện phải thống nhất. Một công trình kiến trúc đẹp chỉ khi nó phù hợp với luân lý chính trị. Một không gian thiêng của đình thần phải được kiến tạo để làm cho con người hướng đến sự cao thượng, hướng đến sự vĩ đại của vương

quyền, thần quyền. Và các đồ án hoa văn vẽ trang trí các linh vật được gán cho những khả năng siêu phàm có thể chi phối cuộc sống nhân thế cũng để nhằm kiến tạo một không gian thiêng ban may mắn phúc lành cho dân làng bá tánh. Đồ án phổ biến nhất trong nghệ thuật trang trí Việt Nam là tứ linh, tức hình tượng long, lân, quy, phụng.

Thuật ngữ tứ linh đã xuất hiện trong Kinh Lễ (còn gọi là Lễ ký) tức một trong Ngũ kinh của Nho giáo. Lễ ký – thiên Lễ vận ghi chép: “Lân Phụng Quy Long, vị chi tứ linh” (Lân, phụng, rùa, rồng gọi là tứ linh). Bốn linh vật này chỉ có rùa là có thực, còn lại chỉ là những con vật huyền thoại, chưa ai từng thấy (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2004).

Trong các đình khảo sát thì duy nhất đình Nhựt Thạnh là có trang trí đủ bộ tiểu tượng tứ linh long, lân, quy, phụng trên nóc mái đình như một quần thể tiểu tượng có cá vượt vũ môn. tượng Nhật Nguyệt. Còn các đình khác mái đình, công đình chủ yếu là cặp rồng theo đồ án lưỡng long châu nguyệt hoặc lưỡng long ngậm hỏa châu.



Hình 4. Bộ tiểu tượng tứ linh bằng gốm trên mái đình Nhựt Thạnh

Rồng (Long) tượng trưng cho quyền uy trong vương quyền lẫn thần quyền, vừa là hình ảnh biểu tượng của vua chúa thời phong kiến, vừa được tôn là Long vương gắn với khả năng siêu nhiên là tạo mưa. Theo Cadière (1919), hình tượng rồng thể hiện sức mạnh thần bí, cầu mong có mưa vì quả cầu lửa tượng trưng cho sấm sét, còn rồng tượng trưng cho Long vương tạo mưa.

Cột chạm rồng còn gọi là “long trụ” là cách trang trí thường gặp trong các ngôi đình ở cù lao Bạch Đằng như đình Tân Long, đình Bình Hưng, đình An Chử.

Ở một số đình thần như đình Điều Hòa (cù lao Bạch Đằng), đình Nhựt Thạnh (cù lao Rùa), các đồ án trang trí hình rồng được thể hiện bằng tạo hình trên các bàn thờ, nhang án, thường là ở vị trí chính điện bao gồm đồ án lưỡng long châu nguyệt, rồng trong hang, long hàm thọ, rồng châu mặt trời (ngậm hỏa châu), rồng và mây...

Trong nghệ thuật trang trí Việt Nam, tứ linh thường được kết hợp với những linh thú như long mã, cọp, hạc, nai, dơi, cá, bướm... và với các họa tiết cách điệu như mây, gió, nước, hoa lá chim muông.

Bình phong nằm chính giữa phía trước sân đình trên trục Thần đạo. Mặt bình phong thường đắp nổi hoặc vẽ cảnh cọp vàng (hoàng hổ); hoặc cảnh “long mã chở phù đồ”, hoặc “long hổ hội” (cọp dưới đất ngược lên nhìn rồng đang bay ẩn trong mây nhìn xuống) để biểu thị âm dương hòa hợp.

Mặt tiền đình Tân Trạch và đình Nhựt Thạnh đều được trang trí hình thanh long và bạch hổ đối xứng hai bên. Bình phong đình Tân Trạch mặt ngoài có đắp hình long mã, quy, phụng, còn mặt trong có đắp hình cọp và cặp rồng; Bình phong đình Nhựt Thạnh mặt trong là hình long mã, mặt ngoài là hình hai con nai bên cây tùng.



Hình 5. Chạm rồng Khâm thờ Thần đình Nhựt Thạnh



Hình 6. Bức cốn rồng - đình Tân Hội



Hình 7. Bức cốn rồng - đình Tân Trạch



Hình 8. Rồng & Mây - Đình Nhựt Thạnh



Hình 9. Rồng & Mây - Đình Nhựt Thạnh



Hình 10. Thanh long & bạch hổ đình Nhựt Thạnh



Hình 11. Bình phong Long hổ đình Tân Trạch

Lân tượng trưng cho thái bình, cho điềm lành, may mắn. Hình ảnh lân rất quen thuộc trong dân gian do vào các dịp lễ hội Trung Thu hay Tết Nguyên đán thường có múa lân. Theo Cadière (1919), người An Nam thường gọi chung là lân, kỳ lân nhưng họ cũng có khi gọi là long mã vì trên các bình phong họa tiết thú đó có vài đặc điểm của rồng hợp nhất với vài đặc điểm của ngựa. Long mã là hình tượng con vật mình ngựa đầu rồng luôn mang cuốn thư trên lưng gọi là cổ đồ, đó là chủ đề Long mã phụ đồ thường thấy trên bình phong. Qua tư liệu điền dã cho thấy đồ án Lân, Long mã được sử dụng trong vẽ trang trí các bàn thờ, nhang án tại đình Tân Trạch, đình An Chử ở cù lao Bạch Đằng, được đắp nổi trong bình phong đình Nhựt Thạnh, đình Tân Trạch.



Hình 12. Lân cầu Phúc – Đình Tân Trạch xã Bạch Đằng



Hình 13. Bình phong “Long mã – Quy-Phụng” đình Tân Trạch

Quy (Rùa) là con vật duy nhất trong tứ linh là có thực trong đời thường, có đặc tính là sống thọ trên 100 năm. Hình tượng rùa tượng trưng cho sự trường thọ, trường tồn, bền vững. Phụng (phượng) là loài chim thần chỉ xuất hiện khi thời bình. Các đồ án vẽ phụng kết hợp với vân (mây) ở đình Nhựt Thạnh, phụng hàm thư ở đình Điều Hòa... Đồ án thông dụng nhất trong đình là tượng rùa tròn làm bệ đội hạc.



Hình 14. Rùa bàn thờ Hữu ban (右班), Phụng bàn thờ Tả ban (左班), Đình Tân Trạch



Hình 15. Vân, Phụng - Đình Nhựt Thạnh

Hình 16. Phụng hàm thư - Đình Điều Hòa



Hình 17. Rùa đội hạc – Đình Nhựt Thạnh

Hình 18. Rùa đội hạc – Đình Tân Hội

Trang trí đình thần bằng chữ Hán

Cột đình ngoài hình thức trang trí chạm rồng cuộn cột thì còn hình thức khác là trang trí bằng các câu đối chữ Hán. Chữ Hán là một trong những thành tựu văn minh Trung Quốc mà các nước Á Đông trong đó có Việt Nam đã tiếp xúc, du nhập và chịu ảnh hưởng rất lâu dài, bền bỉ. Trong lịch sử Việt Nam, chữ Hán là văn tự chính thống xuyên suốt thời kỳ phong kiến. Thi cử làm quan là động lực chính của việc học chữ trong xã hội Việt Nam truyền thống. Phong khí của nền giáo dục chữ Hán đã chìm vào quá khứ khi nhà Nguyễn kết thúc vai trò của mình trong lịch sử. Đình thần vốn từng là cơ sở của thiết chế làng xã truyền thống và hệ thống hoành phi liễn đối chữ Hán được thiết trí trong đình chính là dấu ấn còn lưu lại phần phát sự tinh túy của truyền thống Nho học trong lịch sử địa phương nơi đây. Trong phần nghệ thuật trang trí bằng chữ Hán trong đình thần, chúng tôi tiếp cận theo quan niệm về cái đẹp của Khổng Tử, đó là cái đẹp tận mỹ tận thiện, cái đẹp hài hòa giữa hình thức và nội dung, chúng tôi cho rằng việc dùng chữ để trang trí trong đình thần không chỉ nhằm tạo ra những đường nét đẹp về hình thức mà là nhằm thể hiện sức mạnh của ngôn từ trong việc truyền tải thông điệp, đó là những lời ca ngợi các phẩm chất đạo đức cao quý mà con người hướng tới, để trở thành người quân tử, hoặc cũng có thể là lời ca ngợi sức mạnh của Thần linh có thể ban tặng những đặc ân may mắn tốt lành hộ mệnh.

Đối với Khổng Tử, lễ được liên kết chặt chẽ với nhạc. Khả năng truyền cảm hứng của nhạc cho hành vi đạo đức đã được người xưa nhận ra từ lâu. Như Kinh Lễ viết, “Nhạc là cái vui của thánh nhân, khả dĩ khiến cho lòng dân trở nên tốt lành, có thể cảm lòng người rất sâu và di dịch được phong tục, cho nên tiên vương mới đặt ra việc dạy nhạc”. Các Nho gia xem lễ và nhạc là phương tiện lý tưởng để trị dân. Họ không ưa thích sử dụng hình phạt và bạo lực. Tầm quan trọng của nhạc và sự liên quan mật thiết của nhạc với lễ trong giáo lý Nho gia được tóm tắt ngắn gọn qua lời khuyên dạy học trò được nhắc trong Luận ngữ “Hùng ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc” nghĩa là giáo dục con người trước tiên tạo hứng khởi bằng thơ, kế đến uốn nắn bằng lễ và cuối cùng hoàn thiện bằng nhạc. (Daniel Gardner, 2014; Nguyễn Hiến Lê, 1995). Trong các dịp lễ hội Kỳ yên cúng đình hằng năm, các nghi lễ diễn ra trong chính điện đình thần đều được thực hiện bởi các học trò lễ và nhạc sinh nhạc lễ.

Câu đối tại đình Nhựt Thạnh phản ánh tinh thần coi trọng nhạc lễ của Nho giáo:

日為禮樂和為貴

盛作公平德作安

Phiên âm:

Nhật vi lễ nhạc hoà vi quý

Thịnh tác công bình đức tác an

Tạm dịch:

Ngày ngày lễ nhạc, hoà mới là quý

Thịnh tạo công bằng, đức tạo nên an

Trong nghệ thuật trang trí đình thần, hầu hết các chủ đề trong quá khứ đều là hóa thân của người quân tử, đều là hóa thân của đạo đức. Đối với Khổng tử, một bậc quân tử là người có đạo đức cao thượng, theo như tiêu chuẩn lễ nghi truyền thống, đối xử với người khác bằng lòng tôn trọng, phẩm giá, và theo đuổi các đức tính tốt như khiêm tốn, thật thà, thành tín, chính trực và nhân ái. Chính trực là chữ Hán được nhắc đến khá nhiều

lần trong các hoành phi, câu đối trang trí trong đình thần. Chính trực cũng chính là một trong những mỹ hiệu của Thần Thành hoàng bốn cảnh của hai ngôi đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội.

Câu đối Hán Nôm, đình Tân Hội nhắc đến “chính trực” :

Vị trí khám thờ Thần Thành hoàng, Chánh điện đình:

正直其端光輝盛大

和平實資神德敷榮

Phiên âm:

Chính trực kỳ đoan quang huy thịnh đại

Hoà bình thực tư thần đức phu vinh

Tạm dịch

Ngay thẳng làm nền cho hưng thịnh

Hoà bình nương tựa đức thần vinh

Vị trí bàn thờ các vị Tiên Khai khẩn:

是非不出聰明鑑

賞罰全由正直施

Phiên âm:

Thị phi bất xuất thông minh giám

Thưởng phạt toàn do chính trực thi

Tạm dịch:

Đúng sai phải để người tài giỏi giám sát

Thưởng phạt do người chính trực thi hành

Hoành phi chữ Hán trong đình còn bày tỏ lòng kính trọng đối với công ơn của các bậc Tiên hiền, Hậu hiền, Tổ sư, Tiên sư. ... như hoành phi Kính như tại, Thi chính giáo, Đức hóa vạn dân...

Hoành phi đình Nhựt Thạnh

敬如在

Phiên âm: Kính như tại

Tạm dịch: Kính như đang ở trước mặt

施正教

Thi chính giáo

Diễn nghĩa: Dạy dỗ những điều hay lẽ phải.

德化萬民

Phiên âm: Đức hoá vạn dân

Tạm dịch: Công đức cảm hoá muôn dân

Hoành phi Thi chính giáo, Đức hóa vạn dân thể hiện tư tưởng Đức trị của Khổng tử thường được nhắc đến trong Luận ngữ "Làm chính trị (trị dân) mà dùng đức (để cảm hoá dân) thì như sao Bắc Đẩu ở một nơi mà các ngôi sao khác hướng về cả (tức thiên hạ về theo)". Dùng đạo đức để dắt dẫn dân, dùng lễ giáo để đặt dân vào khuôn phép, dân biết hổ thẹn mà lại theo đường chính.



Hoàn phi đình Nhựt Thạnh “正直 - Chính trực” Hoàn phi đình Nhựt Thạnh 施教正 - Thi chính giáo



Hoàn phi đình Nhựt Thạnh “德化萬民 - Đức hoá vạn dân”



Hoàn phi đình Nhựt Thạnh 元亨利貞 - Nguyên hanh lợi trinh

Hình 19. Hoàn phi chữ Hán đình Nhựt Thạnh (Nguồn: Đình Thị Hòa, 2024)

Trong Ngũ Kinh thì Kinh Dịch là kinh điển quan trọng nhất của Nho giáo. Mượn lời quẻ trong Kinh Dịch để đặt hoàn phi thiết trí trong đình là một trường hợp độc đáo ghi nhận ở đình Nhựt Thạnh. Dấu ấn Kinh Dịch thể hiện rất rõ ở bốn đại tự ngay cửa đình, đó là “Nguyên Hanh Lợi Trinh” (元亨利貞), là lời quẻ Càn - quẻ đầu tiên trong hệ thống 64 quẻ Dịch.

元亨利貞

Phiên âm: Nguyên hanh lợi trinh

Tạm dịch: *Nguyên* có nghĩa là bắt đầu, là cái gốc của trời đất và vạn vật; *Hanh* có nghĩa là thông suốt, tiến bộ không ngừng, là trạng thái phát triển thuận lợi của sự vật; *Lợi* chỉ hòa hợp sinh ra lợi ích, lợi thể, là mục tiêu phát triển của sự vật; *Trinh* chỉ các chuẩn mực bất biến, kiên trì, bền bỉ, là đảm bảo cho sự vật được phát triển đúng quy luật.

Quẻ Càn có lời quẻ là Nguyên Hanh Lợi Trinh, có tượng (lời răn) là “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức” (Dịch nghĩa: Trời vận chuyển mạnh mẽ, người quân tử noi theo vận dụng đức tính mạnh mẽ của mình để hành sự). Quẻ này thể hiện rõ tư tưởng “thiên nhân hợp nhất” của Kinh Dịch. Quân tử là người cuu mang trong bản thân sức mạnh sáng tạo của trời đất vũ trụ và không ngừng sử dụng năng lực đó vào việc giáo hóa nhân dân (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2004).

Nguyên, hanh, lợi, trinh là những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức mang dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch, và tư tưởng cao nhất của Kinh Dịch đó là việc xem Kinh Dịch không phải xem cát hung mà là xem người quân tử trong hoàn cảnh nào đó thì ứng xử như thế nào. Trong cuộc sống, bốn đức tính Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh chính là các chuẩn mực đạo đức để giúp con người giữ được sự cân bằng và ổn định trong đời sống tinh thần, giúp sự nghiệp thành công và điều hòa những mối quan hệ.

4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát tại các đình thần trên địa bàn hai cù lao xã Thạnh Hội và xã Bạch Đằng thuộc thành phố Tân Uyên, Bình Dương, có thể khẳng định một số hạng mục trong công trình kiến trúc đình thần và mỹ thuật trang trí đình thần ở đây chịu sự chi phối rõ rệt của tư tưởng Nho giáo. Đó là cách bố trí mặt bằng đối xứng hài hòa qua trục trung chính hay còn gọi là trục Thần đạo, đó là kiến trúc đình thần phải được đặt theo quy phạm, trật tự của Lễ, thể hiện quyền lực của không gian thiêng là của vương quyền, thần quyền; hình tượng tứ linh và hoành phi, câu đối chữ Hán được trang trí trong đình tạo nên vẻ đẹp cổ kính, linh thiêng của không gian thờ tự. Hệ thống các hoành phi, liễn đối, chữ thờ trong các đình thần phản ánh các giá trị tư tưởng của Nho giáo nói chung cũng như các giá trị tư tưởng đã được nhắc đến trong kinh điển của Nho giáo như Kinh Dịch, Luận ngữ, Kinh Lễ (Lễ Ký).

Kết quả phân tích này phản ánh tinh thần, tư tưởng Nho giáo đã chi phối một cách âm thầm, bền bỉ đến kiến trúc và mỹ thuật trang trí các không gian tế tự Thần Thành Hoàng ở cù lao Thạnh Hội và cù lao Bạch Đằng. Hầu hết các công trình kiến trúc đình thần nơi đây đều được xây dựng và trang trí có lẽ lối xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại, nhiều kiến trúc và hoa văn trang trí được sử dụng rập khuôn, lặp lại kiểu thức cũ mà không làm mới, bởi xu hướng hoài niệm, hoài cổ, yêu quý quá khứ. Không Tử luôn lấy những điều tốt đẹp trong quá khứ ra làm chuẩn mực, khuyên mọi người, tự học tập, rèn luyện, đổi mới bản thân dựa trên những hình mẫu của các vị vua hiền, quan thanh liêm trong quá khứ. Quan niệm xem cái cũ là cái đẹp, là phương tiện dẫn dắt tương lai, ôn cố tri tân đó là điều đã và đang chi phối xuyên suốt một thời gian dài, và chính tư tưởng đó là động lực thúc đẩy con người ta luôn luôn tìm mọi cách khôi phục cái quá khứ, khôi phục cái gọi là cổ. Mong rằng kết quả nghiên cứu này góp thêm động lực cho những ai đang quan tâm và dấn thân trong công tác nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đình thần tại tỉnh Bình Dương nói riêng và vùng đất Nam Bộ nói chung.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số DT.21.1-043

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cadière, L., Gras, Edmond (1919). *Nghệ thuật Huế*. NXB Thế giới & Công ty Cổ phần Văn hóa Thông tin Nhã Nam. Nguyễn Thanh Hằng dịch, 2020.
- [2] Cao Tự Thanh (2005). Nho giáo với lịch sử Việt Nam. *Tạp chí Hán Nôm số 1 (68) năm 2005*.
- [3] Daniel K. Gardner (2014). *Dẫn luận về Nho giáo*. NXB Hồng Đức. Người dịch: Thành Khang - Lê Tiến Thành, 2016.
- [4] Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh (biên soạn) (2004). *Lịch sử văn minh và các triều đại Trung Quốc*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Hiến Lê (1995). *Luận ngữ*. NXB Văn học.
- [6] Nguyễn Văn Huyền (Đỗ Trọng Quang dịch, 2016), *Văn minh Việt Nam*. NXB Hội Nhà văn.
- [7] Nguyễn Văn Vĩnh (Nguyễn Lâm Bình và Nguyễn Lâm Thắng chủ biên, 2013). *Lời người Man di hiện đại – Phong tục và thiết chế của người An-nam*. NXB Tri Thức.
- [8] Nhữ Nguyên biên soạn, Trần Khiết Hùng hiệu đính (1996). *Lễ Ký kinh điển về việc lễ*. NXB Đồng Nai.
- [9] Trần Thuận Tuyên (1987). *Sơ lược về sùng bái Tứ Linh của dân tộc Hán*. *Journal of Guangxi University For Nationalities (Philosophy and Social Science Edition)*, (04).